□外國人、原雇主及新雇主三方合意 接續聘僱證明書(中越雙語版)

Giấy chứng nhận 3 bên đồng ý tiếp tục thuê lao động nước ngoài gồm : lao động nước ngoài , nhà Chủ cũ và nhà Chủ mới

□外國人及新雇主雙方合意 接續聘僱證明書(中越雙語版)

Giấy chứng nhận 2 bên đồng ý tiếp tục thuê lao động nước ngoài gồm : lao động nước ngoài và nhà Chủ mới

新雇主名稱 Tên nhà chủ mới			
新雇主統一編號或身分證字號 Số doanh nghiệp hoặc số CMND của nhà Chủ mới		聯絡電話 Số ĐT liên lạc	
外國人姓名 Tên lao động		護照號碼 Số Hộ chiếu	
原雇主名稱 Tên nhà Chủ cũ			
原雇主統一編號或身分證字號 Số doanh nghiệp hoặc số CMND của nhà chủ cũ		聯絡電話 Số ĐT liên lạc	

原雇主有下列情事之一（請擇一勾選），本人（外國人）自　　年　　月　　日（接續聘僱起始日）起由新雇主接續聘僱，並自接續聘僱起始日負雇主責任、繳納就業安定費及依相關規定辦理：

Chủ cũ có 1 trong như ng trường hợp sau (xin đánh dấu), bản thân Tôi(người lao động) kể từ ngày tháng năm Do chu mơ i tiê p tu c thuê du ng và chi u trách nhiê m kê tư ngày bă t đâ u sư du ng lao đô ng , nô p phí ô n đi nh viê c làm và tuân thu những quy định sau:

1. 被看護者 Người được chăm sóc: □a. 死亡 qua đời □b. 移民 di cư（不可申請遞補招募許可）
   (Không thể xin câ p giấy bô xung tuyển dụng)
2. 原雇主 Chủ sử dụng □a. 死亡 qua đời □b. 移民 di cư（不可申請遞補招募許可）
   (Không thể xin câ p giấy bô xung tuyển dụng)

□3. 船舶被扣押、沉沒或修繕而無法繼續作業者。（不可申請遞補招募許可）(Không thể xin câ p giấy bô xung tuyển dụng)
Tàu thuyền bị thu giữ, bị chìm hoặc tu sữa mà vẫn không thể tiếp tục làm việc.

□4. 雇主關廠、歇業或不依勞動契約給付工作報酬經終止勞動契約者。（不可申請遞補招募許可）(Không thể xin câ p giấy bô xung tuyển dụng)
Nhà máy đóng cửa , ngưng sản xuất hoặc không dựa theo hợp đồng lao động trả lương cho lao động.

□5. 其他不可歸責於受聘僱外國人之事由者。Vă như ng nguyên do không liên quan đê n trách nhiê m cu a lao đô ng nươ c ngoài như: _____（不可申請遞補招募許可）
(Không thể xin câ p giấy bô xung tuyển dụng)

□6. 外籍家庭看護工經原雇主同意轉換雇主或工作。（可申請遞補招募許可）
Lao động giúp việc nước ngoài được sự đồng ý của chủ thuê chuyển đổi chủ mới hoặc thay đổi công việc. (Có thể xin câ p giấy bô xung tuyển dụng)

備註：**1.勾選第 6 項外國人轉換理由，原雇主可依就業服務法第 58 條第 2 項第 3 款規定向本部申請遞補招募許可。(中階技術外籍家庭看護工轉換不適用)**

2. 本證明書 1 式 5 份，外國人、原雇主及新雇主各收執 1 份，新雇主應於合意接續聘僱外國人之日起依規定通知當地主管機關實施檢查及向中央主管機關申請接續聘僱許可。
3. 原雇主所聘僱之外國人如逾期健檢，或未辦理健檢，或新雇主無法取得外國人之健檢資料者，新雇主應自接續聘僱外國人之日起 7 日內，安排承接之外國人至衛生福利部指定之醫院接受健康檢查。

Ghi chú: 1.Đánh dâ u vào mu c 6 lý do chuyê n đô i cu a lao đô ng nước ngoài ,chủ thuê trước có thể dựa theo quy định tại khoản 3 mục 2 điều 58 của luật lao động để gửi đơn đến Bộ Lao Động xin cấp giấy phép bổ sung lao động. (Không áp dụng đối với khán hộ công gia đình có tay nghề trung cấp chuyển chủ)

2. Giấy chứng nhận này có 5 bản，lao đô ng nước ngoài、chu cu và chu mới nhận 01 bản，theo quy định,chu mơ i thông báo cho cơ quan có thẩm quyền ơ địa phương để tiến hành

	kiểm tra và cơ quan có thẩm quyền cu a Trung ương xin cấp giâ y phép lao động kể từ ngày tiếp nhâ n lao đô ng nước ngoài. 3. Nếu lao đô ng nước ngoài trong thơ i gian tuyê n du ng đã quá thơ i ha n kiểm tra sức khỏe hoặc chưa kiểm tra sức khỏe hoặc chu thuê mới không thể lấy được thông tin kiểm tra sức khỏe của lao đô ng nước ngoài，thì chu mới pha i să p xê p thơ i gian trong vòng 7 ngày kể từ ngày tiê p nhâ n lao đô ng và đưa lao đô ng đến bệnh viện do Bộ Y tế và Phúc lợi chỉ định để kiểm tra sức khỏe.
家庭看護工專用欄位 Cột chuyên dùng cho Gia đình kháng hô công	新雇主資格 tư cách nhà chu mơ i： □有效期限內之招募許可函 công hàm tuyển dụng trong thời hạn hiệu lực □合格醫院開具 1 年內之病症暨失能診斷證明書 Giấy chứng nhận chẩn đoán y tế và khuyết tật do bệnh viện đủ tiêu chuẩn cấp trong vòng 1 năm. □有效期限內之身心障礙證明（特定身心障礙項目之一者） Giấy chứng nhận khuyết tật trong thời hạn còn hiệu lực (thuộc một trong những hạng mục khuyết tật cụ thể). □符合長期照顧服務申請及給付辦法第 7 條及第 9 條附表四，且由各級政府補助使用居家照顧服務、日間照顧服務或家庭托顧服務連續達 6 個月以上者 Những người đáp ứng điều kiện chăm sóc dài hạn và chi trả theo quy định phụ lục mục IV điều 7 và điều 9, và do chính phủ các cấp trợ cấp sử dụng dịch vụ chăm sóc tận nhà, dịch vụ chăm sóc hằng ngày hoặc dịch vụ gia đình nhờ chăm sóc liên tục từ 6 tháng trở lên. □經醫師開立診斷證明書，符合中央主管機關公告之病症或病況者 Những người đã được bác sĩ chẩn đoán, đáp ứng các tiêu chí về triệu chứng hoặc tình trạng bệnh do cơ quan có thẩm quyền trung ương công bố. □被看護者 1 年內曾受從事家庭看護工作，或中階技術家庭看護工作之外國人照顧者 Người được chăm sóc đã từng được người nước ngoài làm công việc chăm sóc tại nhà hoặc người chăm sóc tại nhà có trình độ kỹ thuật bậc trung trong vòng 1 năm. □被看護者年齡滿 80 歲以上，雇主持其身分證明文件 Người được chăm sóc từ 80 tuổi trở lên, chủ thuê phải xuất trình giấy tờ tùy thân. □雇主申請聘僱外國人從事中階技術家庭看護工作，被看護者符合外國人從事就業服務法第 46 條第 1 項第 8 款至第 11 款工作資格及審查標準第 61 條規定免經醫療機構專業評估之情形 Chủ thuê xin tuyển dụng người nước ngoài làm công việc chăm sóc tại nhà có trình độ kĩ thuật bậc trung, người được chăm sóc phù hợp với tiêu chuẩn xét duyệt tại Điều 61 quy định các trường hợp được miễn đánh giá chuyên môn của cơ quan y tế và trình độ công việc của người nước ngoài từ khoản 8 đến khoản 11 mục 1 Điều 46 luật Dịch vụ việc làm. （本欄位請務必勾選，並請檢附招募許可函、診斷證明書或身心障礙證明影本，俾憑認定） （Vui lòng đánh dấu vào các trường hơ p này và đính kèm giâ y phép tuyển dụng、giấy chứng nhận chẩn đoán hoặc giấy chứng nhận về khuyết tật thể chất để xác định）

新雇主 Tên nhà chủ mới：（簽章 Ký tên và đóng dấu，家庭類請簽名 Loa i giúp viê c gia đình ký tên）

原雇主 Tên nhà chủ cũ：（簽章 Ký tên và đóng dấu，家庭類請簽名 Loa i giúp viê c gia đình ký tên）

外國人 Người lao ộng ：（簽名 Ký tên）